

Bản án số: 239 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05-10-2018
V/v “Ly hôn & tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Linh Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Kim Tiến ;

2. Ông Nguyễn Chí Lin;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh T – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 949/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2018 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 292/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Anh Dương Quốc C, sinh năm 1992.

Địa chỉ: khu vực 1, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Chị T có mặt, anh C vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/8/2018, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày: Chị T và anh C cưới nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống đến tháng 01 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường gây gỗ, cãi nhau. Chị T đã ly thân anh C từ tháng 01 năm 2018 đến nay. Nay chị T khởi kiện yêu cầu:

Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị Cẩm T yêu cầu ly hôn với anh Dương Quốc C.

Về con chung: có 01 con chung tên Dương Nguyễn Cẩm T, sinh ngày 07/01/2014, hiện con chung đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con theo qui định pháp luật cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T không bổ sung, thay đổi yêu cầu khởi kiện, vẫn giữ các yêu cầu, ý kiến trình bày.

Bị đơn anh Dương Quốc C vắng mặt trong quá trình thụ lý giải quyết và vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

Tòa án đã tiến hành liên lạc và tổng đạt các thủ tục tố tụng cho anh Dương Quốc C theo quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự, anh C biết Tòa án đang thụ lý giải quyết ly hôn với chị T nhưng anh C không tham gia cung cấp ý kiến, không tham gia hòa giải, nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, anh C vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử giải quyết theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm T quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị Nguyễn Thị Cẩm T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Dương Quốc C, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về tố tụng: Bị đơn anh Dương Quốc C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử giải quyết xử vắng mặt bị đơn quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Về tình cảm: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Long An vào ngày 05/4/2013 nên hôn nhân giữa chị T và anh C là hôn nhân hợp pháp theo qui định Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh C: Chị T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng hay gây cãi nhau, hôn nhân không hạnh phúc. Xét chị T có trình bày vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 01 năm 2018 đến nay và cương quyết ly hôn. Tòa án đã triệu tập anh C nhiều lần để hòa giải nhưng anh C vẫn cố tình vắng mặt, không tham dự theo giấy triệu tập cũng như không cung cấp ý kiến về việc chị T xin ly hôn cho thấy anh C không có thiện chí hàn gắn. Từ đó, HĐXX xét hôn nhân giữa chị T với anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, nên chị T yêu cầu xin ly hôn với anh C là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2]. Về con chung: Chị T trình bày có một con chung tên Dương Nguyễn Cẩm T, sinh ngày 07/01/2014, hiện con chung đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh C cấp dưỡng. Xét từ khi ly

thân với anh C thì con chung Dương Nguyễn Cẩm T, sinh ngày 07/01/2014 do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc ổn định, nay chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con nên HĐXX thấy để con được chăm sóc tốt cần giao cháu Dương Nguyễn Cẩm T cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh Dương Quốc C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo qui định pháp luật. Xét chị T yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp qui định tại Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận. Do đó, cần buộc anh Dương Quốc C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở do Nhà nước qui định cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/11/2018.

[3.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Cẩm T xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với anh C vắng mặt tại phiên tòa, không thể hiện ý kiến về tình cảm, con chung, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không có căn cứ giải quyết. Nếu sau này, giữa chị T và anh C có phát sinh tranh chấp về con chung, cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung thì các bên được quyền khởi kiện để giải quyết trong một vụ án khác.

[4]. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu án phí ly hôn, anh Dương Quốc C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con sung công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271 BLTTDS năm 2015.

Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Cẩm T với anh Dương Quốc C.

Chị Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với anh Dương Quốc C.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Cẩm T được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Dương Nguyễn Cẩm T, sinh ngày 07/01/2014, hiện con chung đang sống với chị T.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Dương Quốc C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở do Nhà nước qui định với số tiền 695.000đồng (tại thời điểm cấp dưỡng lương tối thiểu là 1.390.000đ), mức cấp dưỡng được thay đổi theo mức lương cơ sở cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Cẩm T xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cẩm T phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, khấu trừ 300.000đồng tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai số 0002785 ngày 06/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà sang án phí để thi hành. Chị Nguyễn Thị Cẩm T đã nộp xong.

Anh Dương Quốc C phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con. Anh Dương Quốc C chưa nộp.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày niêm yết.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã H (đề biệt);
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khắc Linh Duy